

Số: 031/SAVINA/CV/2017
"V/v Công bố thông tin BCTC
quý I/2017"

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2017

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Sách Việt Nam
2. Mã chứng khoán : VNB
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 44 Tràng Tiền, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn kiếm, TP Hà Nội
4. Điện thoại: (04) 3.9348790 Fax: (04)3.9341591
5. Người thực hiện công bố thông tin: Lê Thăng Long
6. Loại thông tin công bố: Định kỳ
7. Nội dung của thông tin công bố: Báo cáo tài chính quý I năm 2017.

Địa chỉ website đăng tải toàn bộ BCTC: <http://www.savina.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết toàn bộ thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận :

- Như trên
- Lưu VT

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT



LÊ THĂNG LONG

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2017

M. c

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	3
Báo cáo của Ban giám đốc	4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 22

THÔNG TIN CHUNG**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100109829 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 27 tháng 4 năm 2016.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của công ty là Kinh doanh sách và văn hóa phẩm, cho thuê văn phòng.

Công ty có trụ sở chính tại: Số 44, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Thăng Long	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Tuấn	Thành viên
Bà Mai Hương Nội	Thành viên
Bà Nguyễn Mai Hoa	Thành viên
Bà Vũ Thị Hồng Xiêm	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Bà Nguyễn Việt Hà	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo như sau:

Ông Lê Thăng Long	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc - Bổ nhiệm ngày 06/05/2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là ông Lê Thăng Long.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 03 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Lê Thăng Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 04 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 03 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2017	01/01/2017
I	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		687.481.174.908	724.959.645.705
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	107.537.714.055	99.596.238.006
1. Tiền	111		76.037.714.055	76.096.238.006
2. Các khoản tương đương tiền	112		31.500.000.000	23.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	12.000.000.000	12.000.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2.a	12.000.000.000	12.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.3	562.510.685.766	608.788.626.799
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.1	4.985.394.551	5.222.695.829
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3.2	755.687.091	728.020.699
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.3.3	554.000.000.000	600.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3.4	2.764.041.380	2.781.311.806
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.3.5	5.562.744	56.598.465
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	4.978.285.171	4.571.780.900
1. Hàng tồn kho	141		4.978.285.171	4.571.780.900
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.5	454.489.916	3.000.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		454.489.916	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	3.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		38.068.029.833	38.223.891.664
II. Tài sản cố định	220	V.6	9.647.650.520	9.853.316.548
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6.1	9.432.900.580	9.626.993.259
- Nguyên giá	222		18.833.099.502	18.833.099.502
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(9.400.198.922)	(9.206.106.243)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6.2	214.749.940	226.323.289
- Nguyên giá	228		231.467.000	231.467.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(16.717.060)	(5.143.711)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.7	13.709.437.103	14.099.466.110
- Nguyên giá	231		32.885.692.485	32.885.692.485
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(19.176.255.382)	(18.786.226.375)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8	5.000.000.000	4.500.000.000
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		5.000.000.000	4.500.000.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2.b	9.394.762.191	9.394.762.191
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		3.239.919.511	3.239.919.511
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		15.340.360.000	15.340.360.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(9.185.517.320)	(9.185.517.320)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		316.180.019	376.346.815
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	316.180.019	376.346.815
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		725.549.204.741	763.183.537.369

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Ngày 31 tháng 03 năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2017	01/01/2017
1	2	3	4	5
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		15.256.342.069	59.247.285.231
I. Nợ ngắn hạn	310	V.10	14.463.532.869	58.525.976.031
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10.1	5.948.694.963	6.779.361.471
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10.2	101.019.804	27.930.400
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.10.3	975.866.032	3.340.331.187
4. Phải trả người lao động	314	V.10.4	14.743.400	547.712.949
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.10.5	1.575.077.567	44.152.987.647
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.10.6	530.082.379	495.146.459
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10.7	5.318.048.724	3.182.505.918
II. Nợ dài hạn	330	V.11	792.809.200	721.309.200
7. Phải trả dài hạn khác	337		792.809.200	721.309.200
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		710.292.862.672	703.936.252.138
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	710.292.862.672	703.936.252.138
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		679.099.600.000	679.099.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		679.099.600.000	679.099.600.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		71.791.507.009	71.791.507.009
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(40.598.244.337)	(46.954.854.871)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(40.598.244.337)	(46.954.854.871)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		725.549.204.741	763.183.537.369

Nguyễn Thị Minh
Người lập
Ngày 20 tháng 04 năm 2017

Đặng Xuân Ánh
Kế toán trưởng



Lê Thăng Long
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý I năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I năm 2017
1	2	3	4
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	5.518.885.673
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		5.518.885.673
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	3.837.298.870
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.681.586.803
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	10.797.170.345
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	146.701
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	967.049.525
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	5.981.941.499
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		5.529.619.423
11. Thu nhập khác	31	VI.7	11.893.195
12. Chi phí khác	32		
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		11.893.195
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		5.541.512.618
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		5.541.512.618
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.8	82
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		

Nguyễn Thị Minh
Người lập
Ngày 20 tháng 04 năm 2017

Đặng Xuân Ánh
Kế toán trưởng

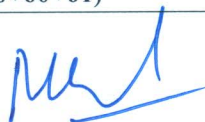


Lê Thăng Long
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
CHO KỲ TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2017
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I năm 2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.541.512.618
2. Điều chỉnh cho các khoản			12.362.033.898
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		595.695.035
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		11.780.822.973
- Các khoản điều chỉnh khác	07		(14.484.110)
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		17.903.546.516
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		248.224.031
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		406.504.271
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(41.612.316.981)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		60.166.796
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.563.528.265)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		2.106.400.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(18.477.265.666)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(40.928.269.298)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(29.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		67.500.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.869.745.347
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		48.869.745.347
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		7.941.476.049
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		99.596.238.006
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		107.537.714.055



Nguyễn Thị Minh
 Người lập
 Ngày 20 tháng 04 năm 2017



Đặng Xuân Ánh
 Kế toán trưởng



Lê Thăng Long
 Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Quý 1 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thông tin doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100109829 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 27 tháng 4 năm 2016

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh sách và văn hóa phẩm, cho thuê văn phòng.

Công ty có trụ sở chính tại: Số 44, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31/03/2017 là: 70 người (ngày 31/12/2016: 79 người).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (VNĐ).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh

doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Công ty lập báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 3 năm 2017 theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Công ty bao gồm sách, văn hóa phẩm.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Theo giá gốc.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Bình quân gia quyền

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời ...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

5. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

6. Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	26 - 39	năm
Các công trình kiến trúc khác	10 - 20	năm
Máy móc và thiết bị	5 - 19	năm
Phương tiện vận tải	5 - 12	năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 8	năm
Phần mềm máy tính	5	năm
Bản quyền	4 - 8	năm

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản.

Nhà cửa	26 - 39	năm
Máy móc, thiết bị	5 - 19	năm

Tài sản cố định hữu hình chuyển sang bất động sản đầu tư theo Thông tư số 147/2016/TT-BTC ban hành ngày 13/10/2016. Tỷ lệ phân bổ theo diện tích cho thuê trên tổng diện tích.

8. Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc.

9. Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 26 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính của doanh nghiệp trong kỳ.

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

11. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

12. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cụ thể như sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

13. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

14. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế và doanh thu có thể xác định được giá trị một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán sách và văn hóa phẩm

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu kinh doanh sách, văn hóa phẩm và lịch Bloc, doanh thu dịch vụ cho thuê nhà, doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng và cổ tức được chia.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cho thuê bất động sản

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là doanh thu khi quyền lợi được nhận cổ tức của Công ty với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

15. Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/03/2017	01/01/2017
Tiền mặt	118.126.698	149.169.408
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	75.919.587.357	75.947.068.598
Các khoản tương đương tiền	31.500.000.000	23.500.000.000
	107.537.714.055	99.596.238.006

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/03/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá đánh giá lại
a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000
	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000

b. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/03/2017	01/01/2017
b.1- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		
Công ty cổ phần in Sách Việt Nam		
- Giá gốc khoản đầu tư	3.239.919.511	3.239.919.511
- Dự phòng	-	-
- Giá trị hợp lý	3.239.919.511	3.239.919.511
b.2 - Đầu tư vào đơn vị khác	31/03/2017	01/01/2017
Công ty liên doanh TNHH Kim Ngọc		
- Giá gốc khoản đầu tư	15.340.360.000	15.340.360.000
- Dự phòng	(9.185.517.320)	(9.185.517.320)
- Giá trị hợp lý	6.154.842.680	6.154.842.680
Tổng	9.394.762.191	9.394.762.191

3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	31/03/2017	01/01/2017
3.1 Phải thu khách hàng		
Phải thu của khách hàng	4.985.394.551	5.222.695.829
Trong đó		
<i>Công ty cổ phần in Sách Việt Nam</i>	4.183.938.223	3.983.689.384
<i>Các đối tượng khác</i>	801.456.328	1.239.006.445
3.2 Trả trước cho người bán	31/03/2017	01/01/2017
Trả trước ngắn hạn cho người bán	755.687.091	728.020.699
Trong đó		
<i>Bản quyền sách Almanach</i>	675.687.091	675.687.091
<i>Các đối tượng khác</i>	80.000.000	52.333.608

3.3 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/03/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá đánh giá lại
Phải thu về cho vay ngắn hạn (*)	554.000.000.000	554.000.000.000	600.000.000.000	600.000.000.000
	554.000.000.000	554.000.000.000	600.000.000.000	600.000.000.000

(*) Đây là khoản cho một doanh nghiệp vay theo hợp đồng số 01/2016/GNN thời hạn cho vay 01 năm từ ngày 13/07/2016 đến ngày 13/07/2017 với lãi suất 7%/năm.

3.4 Phải thu ngắn hạn khác

	31/3/2017	01/01/2017
Tạm ứng cho nhân viên	91.691.760	-
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	899.854	-
Phải thu ngắn hạn khác	2.671.436.130	2.781.311.806
- Phải thu về quỹ cổ phần hóa	119.005.135	119.005.135
- Phải thu khác (nợ cũ)	76.464.079	113.751.117
- Phải thu lãi dự trả	2.475.980.552	2.548.555.554
	2.764.041.380	2.781.311.806

3.5 Tài sản thiếu chờ xử lý

	31/3/2017	01/01/2017
Hàng tồn kho	5.562.744	56.598.465
	5.562.744	56.598.465

4. Hàng tồn kho

	31/03/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá đánh giá lại
Công cụ dụng cụ	-	-	26.597.272	26.597.272
Hàng hóa	4.978.285.171	4.978.285.171	4.545.183.628	4.545.183.628
	4.978.285.171	4.978.285.171	4.571.780.900	4.571.780.900

5. Tài sản ngắn hạn khác

	31/03/2017	01/01/2017
5.1 Thuế GTGT được khấu trừ	454.489.916	-
Thuế GTGT được khấu trừ	454.489.916	-

5.2 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/03/2017	01/01/2017
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	-	3.000.000
	-	3.000.000

6. Tài sản cố định**6.1- Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	14.800.560.239	913.524.181	3.119.015.082	18.833.099.502
Số cuối kỳ	14.800.560.239	913.524.181	3.119.015.082	18.833.099.502
Giá trị hao mòn				0
Số đầu kỳ	6.026.312.204	613.539.806	2.566.254.233	9.206.106.243
KH trong kỳ	134.884.718	16.467.465	42.740.496	194.092.679
Số cuối kỳ	6.161.196.922	630.007.271	2.608.994.729	9.400.198.922
Giá trị còn lại				0
Số đầu kỳ	8.774.248.035	299.984.375	552.760.849	9.626.993.259
Số cuối kỳ	8.639.363.317	283.516.910	510.020.353	9.432.900.580

6.2- Tài sản cố định vô hình**Phần mềm máy tính****Nguyên giá**

Số đầu kỳ 231.467.000

Số cuối kỳ 231.467.000

Giá trị hao mòn trong kỳ

Số đầu kỳ 5.143.711

Hao mòn trong kỳ 11.573.349

Số cuối kỳ 16.717.060

Giá trị còn lại

Số đầu kỳ 226.323.289

Số cuối kỳ 214.749.940

7. Bất động sản đầu tư

Khoản mục	Nhà cửa	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	29.564.429.606		3.321.262.879	32.885.692.485
Số cuối kỳ	29.564.429.606	-	3.321.262.879	32.885.692.485
Giá trị hao mòn				
Số đầu kỳ	16.052.719.017	-	2.733.507.358	18.786.226.375
KH trong năm	350.108.946	-	39.920.061	390.029.007
Số cuối kỳ	16.402.827.963	-	2.773.427.419	19.176.255.382
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	13.511.710.589	-	587.755.521	14.099.466.110
Số cuối kỳ	13.161.601.643	-	547.835.460	13.709.437.103

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/03/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Giải phóng mặt bằng khu 22A Hai Bà Trưng	5.000.000.000	5.000.000.000	4.500.000.000	4.500.000.000
	5.000.000.000	5.000.000.000	4.500.000.000	4.500.000.000

9. Chi phí trả trước dài hạn

	31/03/2017	01/01/2017
Công cụ, dụng cụ	316.180.019	376.346.815
	-	-
Tổng cộng	316.180.019	376.346.815

10. Nợ ngắn hạn

10.1- Phải trả người bán ngắn hạn

	31/03/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	5.948.694.963	5.948.694.963	6.779.361.471	6.779.361.471
Trong đó				
- Công ty TNHH thương mại Nhất Thống			1.008.644.872	1.008.644.872
Các đối tượng khác	5.948.694.963	5.948.694.963	5.770.716.599	5.770.716.599

10.2- Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/03/2017	01/01/2017
Người mua trả tiền trước	101.019.804	27.930.400
	101.019.804	27.930.400

10.3- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Tình hình thực hiện nghĩa vụ Thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước trong kỳ như sau

	31/03/2017	Số phải nộp	Số đã nộp	01/01/2017
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(815.097.916)	1.563.528.265	2.378.626.181
Thuế nhập khẩu	-	7.000.517	7.000.517	-
Thuế thu nhập cá nhân	115.826.646	91.068.312	38.089.682	62.848.016
Thuế GTGT phải nộp	-	-	38.817.604	38.817.604
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	25.390.302	25.390.302	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế, phí khác	860.039.386	4.376.761	4.376.761	860.039.386
	975.866.032	(684.262.024)	1.680.203.131	3.340.331.187

10.4 - Phải trả người lao động

	31/03/2017	01/01/2017
Lương và các khoản phải trả	14.743.400	547.712.949
	14.743.400	547.712.949

10.5 - Chi phí phải trả

	31/03/2017	01/01/2017
Chi phí bán hàng trích trước	138.320.000	192.320.000
Phải trả tiền thuê nhà và đất	1.436.757.567	43.960.667.647
Trong đó		
<i>Công ty TNHH MTV Quản lý phát triển nhà Hà Nội</i>		23.977.341.676
<i>Chi cục Thuế Hoàn Kiếm</i>	1.436.757.567	19.983.325.971
	1.575.077.567	44.152.987.647

10.6 - Doanh thu chưa thực hiện

	31/03/2017	01/01/2017
Doanh thu hoãn lại, chưa thực hiện	530.082.379	495.146.459
	530.082.379	495.146.459

10.7 - Phải trả ngắn hạn khác

	31/03/2017	01/01/2017
Kinh phí công đoàn	93.815.261	49.271.309
Bảo hiểm xã hội	-	96.329
Phải trả nhà nước về cổ phần hóa	3.224.233.463	3.133.138.280
Đặt cọc ngắn hạn (hoàn trả trong 12 tháng tới)	2.000.000.000	-
	5.318.048.724	3.182.505.918

11. Nợ dài hạn

	31/03/2017	01/01/2017
Đặt cọc thuê văn phòng, quầy hàng	792.809.200	721.309.200
	792.809.200	721.309.200

12. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư đầu kỳ	679.099.600.000	71.791.507.009	(46.954.854.871)	703.936.252.138
Lãi trong năm nay			5.541.512.618	5.541.512.618
Giảm khác (*)			815.097.916	815.097.916
Số dư cuối kỳ	679.099.600.000	71.791.507.009	(40.598.244.337)	710.292.862.672

(*) Điều chỉnh các chi phí liên quan đến giai đoạn trước cổ phần hóa của Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/03/2017	01/01/2017
Cổ đông nhà nước - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	67.909.960.000	67.909.960.000
Tập đoàn Vingroup - Công ty cổ phần	443.642.740.000	443.642.740.000
Cổ đông khác	167.546.900.000	167.546.900.000
	679.099.600.000	679.099.600.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý I/2017
Doanh thu bán hàng sách và văn hóa phẩm	2.365.651.463
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.153.234.210
	5.518.885.673

2. Giá vốn hàng bán

	Quý I/2017
Giá vốn của hàng bán sách và văn hóa phẩm	1.655.824.093
Giá vốn của cung cấp dịch vụ	2.181.474.777
	3.837.298.870

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý I/2017
Lãi tiền gửi ngân hàng	503.281.455
Lãi cho vay	10.293.888.890
	10.797.170.345

4. Chi phí tài chính

	Quý I/2017
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	146.701
	146.701

5. Chi phí bán hàng

	Quý I/2017
Chi phí nhân viên	627.275.053
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	47.658.231
Chi phí khấu hao TSCĐ	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.437.441
Chi phí bằng tiền khác	280.678.800
	967.049.525

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý I/2017
Chi phí nhân viên quản lý	1.831.772.236
Chi phí đồ dùng văn phòng	39.105.837
Chi phí khấu hao TSCĐ	595.695.035
Thuế, phí và lệ phí	1.879.887.592
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.620.552.038
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	14.928.761
	5.981.941.499

7. Thu nhập khác

	Quý I/2017
Thu nhập khác	11.893.195
	11.893.195

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ

	Quý I/2017
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	5.541.512.618
<i>Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu cổ phiếu phổ thông</i>	
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.541.512.618
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	67.909.960

Lãi cơ bản trên cổ phiếu 82

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**Sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán.**

Đến thời điểm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017, Công ty chưa hoàn thành thủ tục quyết toán vốn nhà nước với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để chính thức bàn giao sang công ty cổ phần. Do đó, số liệu đầu kỳ có thể thay đổi theo quyết định chính thức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.



Nguyễn Thị Minh

Người lập

Ngày 20 tháng 04 năm 2017



Đặng Xuân Ánh

Kế toán trưởng



Lê Thăng Long

Tổng Giám đốc